

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 19 | Ngày: 11/12/2025 22:01

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Thuý Vy

Doanh thu: 8.234.750 đ

Tiền mặt: 7.151.750 đ

Chuyển khoản Tingbox: 991.000 đ

Tiền cơm phần: 92.000 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên             | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|-----------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio       | 4.00 Cái     | 0.69 Cây    | 0.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao       | 318.00 gram  | 0.36 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay      | 415.00 gram  | 0.58 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam   | 297.00 gram  | 0.70 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng    | 334.00 gram  | 0.00 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Cà Phê          | 21.00 gram   | 0.00 túi    | 1.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 7   | Đào Ngâm        | 1017.00 gram | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Bánh thuyền hạt | 770.00 gram  | 0.00 gói    | 0.00 gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 9   | Syrup Đường Đen      | 1004.00 ml  | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Hồng Trà             | 64.00 gram  | 0.00 Gói    | 5.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Soda                 | 7.00 lon    | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Mứt yuzu cam vàng    | 874.00 gram | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Syrup Bạc Hà         | 130.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Syrup Lựu Đỏ         | 123.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mứt Chanh Dây        | 614.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mứt Kiwi             | 418.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Mứt Mãng Cầu         | 259.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Mứt Việt Quất        | 169.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Mứt Xoài             | 501.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Sữa Tươi Không Đường | 100.00 ml   | 0.00 Hộp    | 1.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 21  | Syrup Curacao        | 1005.00 ml  | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Syrup Đào            | 525.00 ml   | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                      | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|--------------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 23  | Trà Ô Long               | 112.00 gram  | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Trà Ô Long Đào           | 135.00 gram  | 0.00 Gói    | 2.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Sốt Caramel              | 83.00 ml     | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Sốt Chocolate            | 532.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Syrup Táo                | 374.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Bột Kem Muối             | 102.00 ml    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | mứt bắp nữ hoàng         | 17.00 ml     | 0.00 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | mứt hồng chín            | 8.00 ml      | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Bia Heineken bạc         | 3.00 Lon     | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Bia Heineken xanh        | 9.00 Lon     | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Cam                      | 9268.00 gram | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Cà Rốt                   | 455.00 gram  | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 35  | Bánh yến mạch gạo lức đỏ | 254.00 gram  | 0.00 gram   | 0.00 gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Coca Cola                | 9.00 lon     | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                                | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|------------------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 37  | Dưa Hấu                            | 1017.00     | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Pepsi                              | 12.00 lon   | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Trà dưỡng tâm                      | 6.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Trà dưỡng nhan                     | 6.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Vải Ngâm                           | 7.00 Trái   | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Đậu Phộng Tỏi Ớt                   | 21.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển          | 4.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 44  | Hạt Mix                            | 22.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 45  | Hướng Dương                        | 9.00 Gói    | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 46  | Hạt Chia                           | 60.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 47  | Bánh yến mạch gạo lức đồ muối hồng | 8.00 Bịch   | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 48  | Bột Matcha                         | 499.00 gram | 0.00 Gói    | 1.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 49  | Rich lùn                           | 6.00 ml     | 0.00 hộp    | 0.00 hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 50  | Yaourt                             | 726.00 Hũ   | 0.00 Hũ     | 0.00 Hũ         | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên              | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 51  | Bánh dad         | 950.00 Gói  | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 52  | Mứt hạt dẻ cười  | 12.00 Gram  | 0.00 Gr     | 0.00 Gr         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 53  | Sốt caramel muối | 400.00 Gr   | 0.00 Gram   | 1.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 54  | Syrup Atiso      | 961.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 55  | Syrup Bí đao     | 889.00 Gr   | 0.00 Gr     | 0.00 Gr         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 56  | Syrup vải        | 612.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 57  | Syrup hazelnut   | 560.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 58  | Syrup hoa hồng   | 707.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 59  | Syrup trà xanh   | 77.00 Gram  | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 60  | Syrup vanilla    | 986.00 Gram | 0.00 Gram   | 0.00 Gram       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 61  | Tiger Bạc        | 883.00 Lon  | 0.00 Lon    | 1.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 62  | Sốt hạt dẻ cười  | 50.00 Gram  | 0.00 Gram   | 10.00 Gram      | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....